TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;

Ông Trần Như Học;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D (Nguyễn Thị Ngọc D), sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện (về việc xin ly hôn) đề ngày 08 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D (D) trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2001 chị D có tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện với anh T, hôn nhân có tổ chức lễ cưới, gã theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2007 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Lý do xin ly hôn: Từ năm 2018 chị D và anh Thiêm xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, thời gian qua giữa vợ chồng cũng không khắc phục được, xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, đời sống chung không đạt được hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung: Có hai người con tên Phạm Quế T, sinh ngày 02/02/2002 (nữ); Phạm Minh T, sinh ngày 19/9/2014 (nam), hiện nay hai người con đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D tự thỏa thuận việc nuôi con và việc cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Phạm Văn T*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc chị D yêu cầu ly hôn, về con chung, tài sản chung và công nợ. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Chị D (D) trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, ngoài ra không có ý kiến nào khác. Chị D đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn ở Tòa án nhưng sau đó chị D đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn hôn nhân nhưng vẫn không có kết quả.

Anh T trình bày: Thời điểm kết hôn năm 2001 là đúng. Đến năm 2007 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Qua yêu cầu ly hôn của chị D, anh T không đồng ý ly hôn vì thương các con còn nhỏ, anh T xác định trước đây chị D đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn ở Tòa án nhưng sau đó chị D đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn hôn nhân; anh T có tham gia đá gà cách đây hơn 01 năm, hiện nay không còn; vợ chồng không có cự cải mà anh T chỉ xúc phạm danh dự nhân phẩm chị D. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung, về tài sản chung và công nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; anh T cư trú tại khóm 3, thị trấn N, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối với anh Phạm Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử sơ thẩm lần 01 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Năm 2001 chị D có tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện với anh T, hôn nhân có tổ chức lễ cưới, gã theo phong tục địa phương. Đến năm 2007 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số: 38, quyển số 01/2007 ngày 17/04/2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Phạm Văn T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa chị D và anh T có những bất hòa không thể hàn gắn được, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vã dẫn đến mất hạnh phúc. Chị D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T. Anh T không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ, trong cuộc sống gia đình anh T có xúc phạm danh dự chị D. Hai đương sự đều xác định chị D đã từng nộp đơn ly hôn với anh T tại Tòa án nhưng sau đó chị D rút đơn để vợ chồng hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị D, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với anh Phạm Văn T theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung, việc cấp dưỡng cho con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị D được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc D (D) ly hôn anh Phạm Văn T.

[2]. Về nuôi con chung, việc cấp dưỡng cho con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016165 ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền